TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập –Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **79 /2021**/HNGĐ-ST
Ngày: 27 / 12 /2021.
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Tuyết**

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông **Nguyễn Phước Thọ**

2- Ông **Nguyễn Chánh Tâm**

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Vào ngày 27 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 315/2021/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68A/2021/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thanh N, sinh năm 1991;

Địa chỉ: A, ấp T, xã S, huyện L, tỉnh Bến Tre

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn V, sinh năm 1990;

Địa chỉ: B, ấp T, xã P, huyện C, tỉnh Bến Tre.

(Anh V vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/5/2020, bản tự khai cũng như tại biên bản hòa giải và tại phiên tòa hôm nay chị N rình bày:

Chị và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2012 và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre. Sau khi kết hôn, cuộc sống của vợ chồng chị hạnh phúc được 01 năm, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, anh V không lo làm ăn, không có công việc ổn định,

thường xuyên tụ tập bạn bè. Chị và gia đình hai bên đều biết, có gắng khuyên nhủ nhưng anh V không thay đổi. Đến tháng 5 năm 2013, thì vợ chồng chị ly thân. Chị N về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay, còn anh V thì ở cùng cha mẹ ruột tại xã T. Trong thời gian đó, thỉnh thoảng chị có về nhà cha mẹ chồng bên Tân Phú để thăm con nhưng chị và anh V không có gặp nhau. Cũng từ năm 2013, chị và anh V không ai quan tâm đến ai, mạnh ai người đó sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng giữa chị với anh V không còn, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, không yêu cầu anh V cấp dưỡng vợ chồng khi ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/8/2012 Hiện con đang ở với anh V và ông bà nội, chị N đồng ý giao con cho anh V nuôi, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Văn V trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải theo đúng qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh V đều vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu của anh V.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký và người tham gia tố tụng đã tuân thủ theo quy định của pháp luật. Về tố tụng: anh V đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung vụ án: căn cứ vào lời trình bày của nguyên đơn trong đơn khởi kiện cũng như tại bản tự khai, ý kiến của gia đình bị đơn và những chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân của chị N, anh V về đời sống chung đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N. Về con chung: giao con chung tên Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/8/2012 cho anh V nuôi con, ghi nhận chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng; Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh Nguyễn Văn V là bị đơn trong vụ án. Anh V đã được triệu tập hợp lệ đến Tòa án tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh V.

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nội dung vụ án, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Chị Nguyễn Thanh N và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/7/2012 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị N và anh V phát sinh mâu thuẫn, chị N khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay Chị N xác định đã không còn tình cảm với anh V nên vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh V.

Hội đồng xét xử nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành tổ chức phiên hòa giải để vợ chồng chị N, anh V hàn gắn tình cảm nhưng anh V đã vắng mặt không có lý do. Điều đó thể hiện anh V đã không có thiện chí muốn vợ chồng đoàn tụ. Mặt khác, theo xác minh của Tòa án thể hiện giữa chị N và anh V đã có những mâu thuẫn phát sinh từ lâu. chị N và anh V đã sống ly thân với nhau từ giữa năm 2013 đến nay. Trong thời gian ly thân chị N, anh V không có liên lạc hay quan tâm gì đến cuộc sống của nhau, mạnh ai người đó sống. Qua đó cho thấy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa chị N, anh V đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, việc yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thanh N đối với anh Nguyễn Văn V là có căn cứ và phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị N và anh V có 01 con chung tên Nguyễn ThànhT, sinh ngày 02/8/2012.

Hội đồng xét xử xét thấy cháu T ở với anh V từ nhỏ và hiện nay cháu vẫn đang ở với anh V, có cuộc sống học tập, sinh hoạt ổn định. Cháu Tâm học lớp 4 tại trường tiểu học của xã T. Trong thời gian anh V, chị N ly thân, cháu T ở cùng anh V, do anh V và gia đình anh V trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N chỉ thỉnh thoảng qua thăm con. Chị N cũng thừa nhận anh V và gia đình anh V chăm sóc cháu Tâm tốt, không có bỏ bê hay đánh dập cháu. Bản thân cháu T có nguyện vọng được sống với cha là anh V.

Chị N đồng ý giao con cho anh V nuôi, chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định giao cho cháu T cho anh V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là đảm bảo quyền và lợi ích mọi mặt cho con chung, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi ly hôn chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Ghi nhận việc chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm ngàn*) đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) chị N phải nộp.

[6] Từ những nhận định nêu trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 và Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thanh N được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

Ghi nhận chị N, anh V không yêu cầu cấp dưỡng cho nhau sau khi ly hôn

Quan hệ hôn nhân của chị N, anh V chấm dứt kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn V được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thành T, sinh ngày 02/8/2012. Ghi nhận, chị Nguyễn Thanh N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) cho đến khi con tròn 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thanh N có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Anh Nguyễn Văn V trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở chị N trong việc thăm non, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84, Điều 119 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và quyết định việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung , nợ chung: Chị N khai không có nên Tòa án không xét đến.

4. Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Nguyễn Thanh N phải nộp là 300.000 (*Ba trăm ngàn*) đồng .

Án phí cấp dưỡng nuôi con chị Nguyễn Thanh N phải nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng.

Tổng cộng chị N phải nộp số tiền án phí là 600.000 đồng (sáu trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005143 ngày 26 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre. Chị N còn phải nộp tiếp số tiền án phí là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng)

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Phòng GĐKT TAND tỉnh Bến Tre;
-UBND xã T, huyện Châu Thành (27/7/2012);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hoàng Thị Tuyết